

Chương 3

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1.1. Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

Chủ nghĩa xã hội, với tư cách là một chế độ kinh tế, chính trị và xã hội theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin là một xã hội được thiết lập sau thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, giành được chính quyền từ tay giai cấp thống trị và bóc lột trước đó, thiết lập nền chính quyền mới của nhân dân lao động từ đó xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá tương ứng dựa theo những nguyên lý, quy luật cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Trong thời đại của C.Mác và Ph.Ăngghen, căn cứ vào điều kiện phát triển của chủ nghĩa tư bản vào giữa thế kỷ 19, các ông cho rằng: chủ nghĩa xã hội với tính cách là một xã hội mới phải được “thoát thai”, “lột lòng” từ chủ nghĩa tư bản. Như vậy, chủ nghĩa xã hội ra đời phải dựa trên những tiền đề vật chất cơ bản, như: 1/ *Sự phát triển của lực lượng sản xuất* và 2/ *Sự hình thành giai cấp vô sản cách mạng*. Bởi vì, sự phát triển của lực lượng sản xuất, của đại công nghiệp trong chủ nghĩa tư bản, *một mặt*, thúc đẩy nền sản xuất xã hội và *mặt khác*, tạo nên giai cấp vô sản - giai cấp cách mạng nhất của xã hội. Theo C.Mác và Ph.Ăngghen chính sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đến một lúc nào đó sẽ tạo ra tiền đề để xóa bỏ nó. Tiền đề đó chính là sự ra đời và phát triển của giai cấp công nhân, giai cấp có sứ mệnh “đào mồ” chôn chủ nghĩa tư bản.

Tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về những tiền đề vật chất, về mối quan hệ giữa điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan của cách mạng vô sản đã được V.I.Lênin sau này kế thừa, phát triển một cách sâu sắc và sáng tạo trong học thuyết về nhà nước và cách mạng, mà cụ thể là về *tình thế cách mạng* và *thời cơ cách mạng*. Tuy nhiên, V.I.Lênin cũng dự báo rằng: trong thời đại ngày nay chủ nghĩa xã hội vẫn có thể ra đời từ một quốc gia tư bản có trình độ phát triển trung bình thậm chí chưa kinh qua tư bản chủ nghĩa song phải đảm bảo các điều kiện mới sau đây: *Một là*, phải xuất hiện “yếu tố thời đại”, tức là nhân loại đã chuyển sang “giai đoạn cuối cùng của chủ nghĩa tư bản”. Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản biến thành chủ nghĩa đế quốc đã đẩy mạnh các cuộc chiến tranh xâm lược, tước đoạt thị trường, gia tăng sự áp bức và khai thác thuộc địa, cướp đoạt giá trị thặng dư từ các

quốc gia bị xâm lược, tạo ra mâu thuẫn xung đột và gây chiến tranh với các quốc gia khác để chia lại thị trường... gây ra tai họa cho hàng chục quốc gia và các dân tộc bị áp bức. Từ đó xuất hiện các “mâu thuẫn cơ bản và gay gắt của thời đại mới”, như: 1/ Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân. Đây vẫn được coi là mâu thuẫn cơ bản nhất xuyên suốt trong thời đại ngày nay; 2/ Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc xâm lược với các quốc gia dân tộc bị xâm lược và bị áp bức. Đây là mâu thuẫn đặc trưng cho thời đại mới; 3/ Mâu thuẫn giữa các nước tư bản với nhau do xung đột lợi ích; 4/ Mâu thuẫn giữa các nước giàu trong thế giới tư bản và các nước nghèo và lạc hậu do bị tụt hậu xa về kinh tế. Mâu thuẫn này hiện nay đang nổi lên như là một trong những mâu thuẫn chủ đạo tác động sâu sắc đến hầu hết các quan hệ kinh tế và chính trị thế giới trong thời đại ngày nay. Và *hai là*, phải có sự tác động toàn cầu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, của hệ tư tưởng của giai cấp công nhân (chủ nghĩa Mác - Lênin), đặc biệt là luận điểm về chủ nghĩa đế quốc và các dân tộc bị áp bức... làm thức tỉnh phong trào dân tộc, phong trào yêu nước của các quốc gia đấu tranh chống các chế độ áp bức, bóc lột, bất công của chủ nghĩa tư bản hoặc bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Ngoài ra, xuất phát từ những mâu thuẫn không thể giải quyết dẫn đến những nỗ lực đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động tại các nước tư bản phát triển dẫn đến việc hình thành đảng cộng sản. Từ đó, sự lãnh đạo của đảng cộng sản một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể nổ ra cũng có thể làm cho chủ nghĩa tư bản hoặc các chế độ áp bức bóc lột khác diệt vong dẫn tới ra đời chủ nghĩa xã hội.

1.2. Các đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, chủ nghĩa xã hội với tính cách là một chế độ xã hội ra đời và tồn tại ở giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Đó là một xã hội tiên bộ, ưu việt, là quá trình lịch sử tự nhiên phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử xã hội loài người. Do đó, so với các xã hội đã từng tồn tại trong lịch sử, chủ nghĩa xã hội có một số đặc trưng cơ bản sau:

Một là, cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội phải được tạo ra bởi một nền sản xuất tiên tiến, hiện đại. Đây được coi là đặc trưng cơ bản nhất trong số các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Theo V.I.Lênin, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về thực chất là cuộc cách mạng trong lĩnh vực kinh tế nên chủ nghĩa xã hội phải có một nền kinh tế phát triển cao hơn so với chủ nghĩa tư bản trước đó. Trên thực tế, trước khi chủ nghĩa xã hội ra đời từ các nước tư bản chủ nghĩa thì bản thân nền kinh tế ở một số nước tư bản chủ nghĩa cũng đã đạt tới trình độ xã hội hóa rất cao.

Tuy nhiên, mặc dù có nền kinh tế phát triển với trình độ cao nhưng chủ nghĩa tư bản chưa đủ khả năng tạo ra sự thịnh vượng cho toàn xã hội bởi những mâu thuẫn vốn có trong lòng xã hội tư bản đã không cho phép giai cấp tư sản tạo ra điều đó. Chủ nghĩa xã hội với mục tiêu hướng đến sự thịnh vượng và đáp ứng nhu cầu về phúc lợi ngày càng cao cho toàn thể nhân dân thì càng không có cách nào khác là phải tạo ra một lực lượng sản xuất có trình độ cao hơn hẳn lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa. Do đó chỉ khi chủ nghĩa xã hội tạo ra được một nền sản xuất công nghiệp hiện đại, với năng suất lao động ngày càng tăng, số lượng của cải vật chất tạo ra ngày càng nhiều thì mới có khả năng đảm bảo đáp ứng những nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội cho toàn dân.

Tuy vậy, cũng theo chủ nghĩa Mác – Lênin, đối với một số quốc gia đi lên chủ nghĩa xã hội xuất phát từ một nền kinh tế tư bản phát triển trung bình hoặc “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa” thì việc tạo ra một nền kinh tế có trình độ phát triển cao trong một thời gian ngắn không phải là dễ dàng. Điều đó, đòi hỏi các đảng cộng sản và công nhân tại các quốc gia này phải biết cách sử dụng “các bước đi quá độ” thích hợp, trong đó không loại trừ khả năng sử dụng và tiếp tục duy trì các quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa ngay trong lòng chế độ xã hội chủ nghĩa (V.I.Lênin gọi là sử dụng hình thức “chủ nghĩa tư bản nhà nước” để phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa) trong một giai đoạn nhất định (gọi là thời kỳ quá độ) để tạo ra bước đột phá cho việc tạo ra một lực lượng sản xuất tiên tiến ở các giai đoạn tiếp theo.

Hai là, chủ nghĩa xã hội từng bước xóa bỏ chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa đồng thời tiến hành thiết lập chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, việc xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân tiến tới thiết lập chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất là đặc điểm nổi bật của chế độ xã hội chủ nghĩa về kinh tế. Bởi đây là điều kiện tiên quyết để giải phóng người lao động ra khỏi các quan hệ bóc lột tư bản chủ nghĩa, đồng thời cũng là tiền đề quan trọng để thực hiện tổ chức quản lý sản xuất và thực hiện phân phối công bằng trong chế độ mới. C.Mác và Ph.Ăngghen cũng lưu ý việc xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa để thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới chủ nghĩa xã hội không hoàn toàn đồng nghĩa với việc xóa bỏ sở hữu cá nhân dưới chủ nghĩa xã hội. Điều đó có nghĩa là: chủ nghĩa xã hội xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân nhưng quyền sở hữu cá nhân vẫn được tôn trọng.

Mặc dù thừa nhận việc xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân để thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới chủ nghĩa xã hội song C.Mác và Ph.Ăngghen cũng cho rằng: do chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa từ lâu vốn là một trong những

động lực quan trọng cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa nên việc xóa bỏ nó ngay lập tức là không thể mà phải “kinh qua một quá trình rất khó khăn và lâu dài trong hiện thực”¹. V.I.Lênin cũng cho rằng: trong “giai đoạn thấp của xã hội cộng sản chủ nghĩa”, chưa thể thực hiện công bằng, bình đẳng, về mặt của cải thì vẫn còn chênh lệch, nhưng tình trạng người áp bức bóc lột người không còn nữa vì những tư liệu sản xuất chủ yếu đã được sở hữu thuộc về xã hội. Đặc biệt, đối với các quốc gia trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội với xuất phát điểm của nền kinh tế còn ở trình độ thấp thì việc thiết lập ngay chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chưa thể thực hiện ngay. Thậm chí, trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ có thể thực hiện chế độ kinh tế nhiều thành phần. Có nhiên, việc thực hiện chế độ kinh tế đa sở hữu chỉ là bước phát triển tạm thời để tiến tới chế độ công hữu dưới chủ nghĩa xã hội khi đủ điều kiện chín muồi.

Thứ ba, chủ nghĩa xã hội tạo ra cách thức tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới với năng suất cao. Khi đạt tới xã hội xã hội chủ nghĩa, tư liệu sản xuất đã mang tính xã hội hóa cao, không còn chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất đòi hỏi việc tổ chức vận hành và quản lý nền sản xuất mới này phải hết sức khoa học, chặt chẽ và hiệu quả cao nếu không sẽ tạo ra một sự lãng phí nguồn lực và suy giảm về động lực thúc đẩy phát triển dưới chủ nghĩa xã hội. Muốn vậy, chủ nghĩa xã hội cần phải tạo ra một cách thức tổ chức lao động và kỷ luật mới cho người lao động với năng suất cao. Quan niệm về kỷ luật lao động mới không đồng nghĩa với việc tăng cường khả năng, kiểm tra, kiểm soát đối với người lao động. Trái lại, cách thức lao động mới của người lao động dưới chủ nghĩa xã hội dựa trên tinh thần hăng say, tự giác và sáng tạo. Mặt khác, quá trình tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới phải tạo ra cho người lao động hiểu rằng: lao động của họ giờ đây không còn là sự cưỡng bức hay lao động “tự tha hóa”. Trái lại, hoạt động lao động trong xã hội mới đối với mỗi người giờ đây thực sự là lao động “vì mình”, lao động “cho mình”, lao động là vinh quang.

Tuy nhiên, để có được cách thức tổ chức lao động mới với ý nghĩa lao động tự giác sáng tạo đối với bản thân mỗi người lao động thì cần phải thực hiện chế độ kiểm kê, kiểm soát toàn dân. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với việc tổ chức quản lý và vận hành nền kinh tế trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội. Nghiên cứu thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga vào những năm đầu tiên của cuộc cách mạng cho thấy ngay sau khi kết thúc cuộc nội chiến nước Nga bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội với rất nhiều khó khăn về kinh tế. Với mục tiêu một mặt vừa đưa nước Nga khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế, nhưng khác tiếp tục định

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, t 42, tr.307.

hướng cho nền kinh tế của nước Nga phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, V.I.Lênin đã vận dụng triệt để cách thức tổ chức quản lý và kỷ luật lao động mới đối với người lao động Nga. Ông cũng kiên quyết đề ra các nguyên tắc nhằm kiểm kê, kiểm soát toàn dân đối với sản xuất và phân phối sản phẩm là một hình thức của sự quá độ, là cái giữ cho xã hội không đi chệch khỏi con đường xã hội chủ nghĩa trong điều kiện thực hiện chủ nghĩa tư bản nhà nước. Rõ ràng là nhờ việc áp dụng cách thức tổ chức và kỷ luật lao động mới trong điều kiện cụ thể của cách mạng Nga của V.I.Lênin đã đưa nền kinh tế Nga sau này là Liên Xô trở thành một trong những nền kinh tế có tính ưu việt nhất của nhân loại trong những năm thuộc nửa đầu của thế kỷ 20. Như vậy, chủ nghĩa xã hội sẽ tạo ra một năng suất lao động cao hơn con người nhờ việc đưa ra một hình thức tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới. Hình thức tổ chức lao động và kỷ luật lao động đó được vận dụng hết sức linh hoạt dựa trên nguyên tắc tự giác, tự nguyện song có sự kiểm kê, kiểm soát toàn dân đối với việc sản xuất và phân phối sản phẩm đảm bảo lợi ích của đa số người lao động.

Bốn là, chủ nghĩa xã hội thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Trong giai đoạn xã hội chủ nghĩa nền sản xuất chưa phát triển đến mức đủ sức thỏa mãn nhu cầu của tất cả mọi thành viên trong xã hội nên nguyên tắc phân phối của cải trong xã hội chủ yếu dựa vào lao động với khẩu hiệu: "làm theo năng lực, hưởng theo lao động". Phân phối theo lao động là hình thức phân phối căn bản của chủ nghĩa xã hội, là nguyên tắc phân phối chủ yếu thích hợp nhất với các thành phần kinh tế dựa trên chế độ sở hữu công hữu về tư liệu sản xuất. Do đó dựa trên cơ sở của chế độ công hữu về tư liệu sản xuất mà chế độ người bóc lột người bị xoá bỏ. Người lao động làm chủ những tư liệu sản xuất nên tất yếu cũng làm chủ phân phối theo thu nhập. Lao động đang trở thành cơ sở quyết định địa vị và phúc lợi vật chất của mỗi người. Theo V.I.Lênin, phân phối theo lao động là cách thức phân phối trong giai đoạn thấp của xã hội cộng sản chủ nghĩa. Cách thức phân phối theo lao động là thích hợp nhất với chủ nghĩa xã hội, bởi vì nó được dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

Dưới chủ nghĩa xã hội, việc thực hiện tốt phân phối theo lao động sẽ có nhiều tác dụng to lớn đối với xã hội và bản thân người lao động. Bởi lẽ nó đáp ứng được những đòi hỏi cấp bách của sự công bằng xã hội, nó kết hợp chặt chẽ lợi ích của sản xuất xã hội với lợi ích của từng cá nhân lao động. Nó khuyến khích người lao động đi sâu vào nghề nghiệp chuyên môn làm cho đội ngũ lao động lành nghề ngày càng đông đảo. Điều đó còn thúc đẩy người lao động ra sức học tập văn hoá kỹ thuật, góp phần làm cho sự khác biệt giữa lao động trí óc và lao động bằng chân

tay bị xoá bỏ dần. Tạo điều kiện cho việc phân bổ và sử dụng nguồn sức lao động được ổn định trong cả nước đảm bảo cho sản xuất xã hội cân bằng và có kế hoạch. Thêm vào đó nó góp phần giáo dục về quan điểm, thái độ và kỷ luật lao động đối với mỗi thành viên xã hội. Nó làm cho bản thân người lao động vì lợi ích vật chất của mình mà quan tâm đến kết quả lao động của mình, từ đó ra sức mà đẩy mạnh sản xuất.

Về cơ bản nguyên tắc phân phối theo lao động đã thể hiện được tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội về tính nhân văn, công bằng giữa người với người trong xã hội. Tuy nhiên, để thực hiện được nguyên tắc này một cách có hiệu quả cần có một sự nhận thức toàn diện và phấn đấu lâu dài. Đặc biệt, trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội (thời kỳ quá độ) còn tồn tại nhiều mối quan hệ giai cấp, tầng lớp và những thành phần kinh tế khác nhau nên việc thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động phải hết sức linh hoạt, không máy móc hoặc cào bằng. Đặc biệt, ngoài hình thức phân phối theo lao động là cơ bản, một số hình thức phân phối khác có thể vẫn được kết hợp sử dụng như phân phối theo phúc lợi xã hội, phân phối dựa vào mức đóng góp vốn (cổ phần, cổ phiếu...), khả năng cống hiến cho cộng đồng xã hội, v.v..

Năm là, nhà nước dưới chủ nghĩa xã hội là nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, nhưng cũng đồng thời mang tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc

- ***Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân.*** Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, giai cấp công nhân sau khi nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình đã đứng lên tập hợp các giai cấp và tầng lớp lao động tiến hành đấu tranh “lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy chính quyền”. Bước tiếp theo giai cấp vô sản dùng sự thống trị của mình để từng bước đoạt lấy tư bản trong tay giai cấp tư sản để tập trung tất cả những công cụ sản xuất đó vào trong tay nhà nước để tiến hành tổ chức xây dựng xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa. Như vậy, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin dưới chủ nghĩa xã hội nhà nước vẫn còn tồn tại nhưng đó không phải là nhà nước của giai cấp thống trị, bóc lột mà là nước mang bản chất giai cấp công nhân. Cũng giống như các nhà nước trong lịch sử, nhà nước xã hội chủ nghĩa sinh ra trước hết là nhằm thực hiện các chức năng thống trị chính trị của giai cấp công nhân, là một tổ chức thông qua đó đảng của giai cấp công nhân thực hiện vai trò lãnh đạo của mình đối với toàn xã hội. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là một tổ chức chính trị thuộc kiến trúc thượng tầng dựa trên cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Do đó, nhà nước xã hội chủ nghĩa là

một nhà nước kiểu mới thay thế nhà nước tư sản nhờ kết quả của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa; là hình thức chuyên chính của giai cấp vô sản được thực hiện trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- ***Nhà nước mang tính nhân dân rộng rãi.*** Nhà nước xã hội chủ nghĩa được sinh ra trước hết nhằm bảo vệ cho lợi ích thống trị của giai cấp công nhân. Tuy nhiên, lợi ích của giai cấp công nhân cũng thống nhất với lợi ích của đông đảo các giai cấp và tầng lớp nhân dân lao động khác trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa nên nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng được coi là nhà nước của nhân dân lao động. Với tư cách là một trong những tổ chức cơ bản nhất của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa là tổ chức thể hiện ý chí và quyền lực của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ quản lý do chính đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo nhân dân tổ chức ra nhằm thực hiện quyền lực và lợi ích của nhân dân. Với tư cách là một nhà nước mang tính nhân dân rộng rãi, nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa là cơ quan quyền lực, vừa là bộ máy hành chính, vừa là tổ chức quản lý kinh tế, văn hóa xã hội của nhân dân. Là hình thức biểu hiện tập trung và tiêu biểu nhất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa không chỉ là nơi “tập hợp được quần chúng công nông và lôi cuốn họ tham gia sinh hoạt chính trị”², mà còn là nơi để quần chúng nhân dân tham gia quản lý đất nước, quản lý xã hội.

- ***Nhà nước mang tính dân tộc sâu sắc.*** Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, trong tiến trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp vô sản mỗi nước trước hết “phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc...”³ thì nhà nước xã hội chủ nghĩa – nhà nước của giai cấp công nhân cũng đồng thời mang tính dân tộc sâu sắc. Trong nhà nước xã hội chủ nghĩa, lợi ích của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích dân tộc. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, nhà nước xã hội chủ nghĩa không chỉ bảo vệ lợi ích giai cấp mà còn phải biết bảo vệ lợi ích dân tộc, biết giải quyết các vấn đề giai cấp từ các vấn đề dân tộc. Đặc biệt, trong thế giới đa cực phức tạp như hiện nay, các mối quan hệ giai cấp, dân tộc và quốc tế đan xen phức tạp đòi hỏi nhà nước xã hội chủ nghĩa phải xem xét một cách biện chứng linh hoạt. Tuy nhiên, theo V.I.Lênin việc tiếp cận và giải quyết vấn đề dân tộc của nhà nước xã hội chủ nghĩa trong mọi trường hợp cần phải đứng vững trên lập trường cách mạng của giai cấp công nhân⁴.

² V.I.Lênin: *Toàn tập*. Nhà xb CTQG, Hà Nội, 2005, tập 35, t.27, tr 126-127

³ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội, t 4, 1995, tr.49

⁴ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1977, t 25, tr.375.

Sáu là, mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội giải phóng và phát triển con người toàn diện. Là một trong những học thuyết triết học vĩ đại nhất trong lịch sử tư tưởng nhân loại, ngay từ khi mới ra đời học thuyết Mác đã đặt ra mục tiêu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa như Ph.Ăngghen khẳng định là đấu tranh để giải phóng con người, tạo ra “bước nhảy của con người từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do”, là làm cho “con người, cuối cùng làm chủ tồn tại xã hội của chính mình, thì cũng do đó làm chủ tự nhiên, làm chủ cả bản thân mình trở thành người tự do”⁵. Cố nhiên, để đạt được mục tiêu tổng quát đó, chủ nghĩa Mác - Lênin đề ra mục tiêu cụ thể của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là phải đấu tranh “xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này đi bóc lột dân tộc khác cũng bị xóa bỏ”⁶. Đấu tranh giải phóng con người theo chủ nghĩa Mác - Lênin phải được thể hiện trên các nội dung cụ thể như giải phóng con người (cụ thể là đa số quần chúng nhân dân lao động) khỏi sự áp bức về chính trị, về kinh tế và đời sống văn hóa. Chỉ khi được giải phóng hoàn toàn trên các phương diện đó, con người mới thực sự hoàn toàn có được cuộc sống tự do. Chủ nghĩa Mác – Lênin cho rằng, chủ nghĩa xã hội chính là đích đến của những con người tự do. Dưới chủ nghĩa xã hội, các quan hệ áp bức, bóc lột và bất công hoàn toàn được xóa bỏ, nhân dân lao động thực sự được giải phóng và tham gia làm chủ trong các quan hệ chính trị, kinh tế và văn hóa. Ph.Ăngghen cho rằng, dưới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản: sản xuất ngày càng phát triển, tính chất xã hội hoá của nền sản xuất ngày càng tăng và sự phát triển mới của nền sản xuất xã hội, do các sự phát triển trên đem lại sẽ cần đến những con người hoàn toàn mới, “những con người có năng lực phát triển toàn diện, đủ sức tinh thông toàn bộ hệ thống sản xuất”. Chính nền sản xuất xã hội đó sẽ “tạo nên những con người mới”⁷, sẽ làm cho các thành viên trong xã hội đó có khả năng sử dụng một cách toàn diện năng lực phát triển toàn diện của mình. Cũng theo Ph.Ăngghen: mục đích cao cả của chủ nghĩa xã hội sự phát triển xã hội là phát triển con người toàn diện, nâng cao năng lực và phẩm giá con người, giải phóng con người, loại trừ ra khỏi cuộc sống con người mọi thứ “tha hóa” giải phóng con người về mặt xã hội. Do đó, chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới làm cho “Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”⁸.

2. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

⁵ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, t.4, tr.33

⁶ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, t.4, tr.624

⁷ C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, t.4, tr.474

⁸ C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, t.4, tr.628

2.1. Quan niệm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Trong lý luận về hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, ngoài việc phân kỳ hình thái thành hai giai đoạn thì C.Mác và Ph.Ăngghen còn chú ý tới một giai đoạn “quá độ” ban đầu sau khi chủ nghĩa cộng sản lọt lòng, “thoát thai” từ chủ nghĩa tư bản mà ngày nay chúng ta gọi là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong tác phẩm *Phê phán Cương lĩnh Gô-ta*, C. Mác đã đưa ra một định nghĩa kinh điển về thời kỳ quá độ: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là *nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*”⁹. Như vậy theo quan điểm của C.Mác “thời kỳ quá độ” là thời kỳ vận động “chuyển tiếp” từ xã hội cũ (tư bản chủ nghĩa) lên xã hội mới (cộng sản chủ nghĩa) với ba đặc điểm cơ bản: *một là*, “thời kỳ quá độ chính trị”; *hai là*, sự tồn tại của nhà nước “chuyên chính vô sản” và *ba là*, thời kỳ “cải biến từ xã hội nọ sang xã hội kia” với nhiều yếu tố còn tồn tại đan xen giữa cái cũ và cái mới.

Kế thừa và phát triển những tư tưởng của C.Mác về thời kỳ quá độ, V.I.Lênin cũng cho rằng: “Về lý luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kỳ quá độ nhất định”¹⁰. Tuy nhiên, về độ dài của thời kỳ quá độ, V.I.Lênin cho rằng: nếu cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa diễn ra ở một nước tư bản trung bình hoặc kém phát triển thì nhất định phải trải qua một “thời kỳ quá độ kéo dài” và cần phải phân chia thời kỳ quá độ thành những bước quá độ nhỏ hơn. Đó là lý do V.I.Lênin đưa ra các danh từ “quá độ đặc biệt”, thậm chí quá độ “đặc biệt của đặc biệt” khi áp dụng đối với các quốc gia khi tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa với mà phát điểm với trình độ phát triển trung bình và kém phát triển như đối với cuộc cách mạng Nga lúc bấy giờ. Đương nhiên, đối với các quốc gia này muốn thực hiện được đương nhiên phải có đảng cộng sản lãnh đạo. Theo V.I.Lênin ở các nước này cần chú trọng khắc phục những biểu hiện của tính tiểu tư sản, tiểu nông trong đảng cộng sản, trong quần chúng chống lại mọi kẻ thù phá hoại... để từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội; phải trải qua và sử dụng rất nhiều “những bước nhỏ”, “những hình thức trung gian quá độ”, đan xen giữa “các thành phần”, “các mảnh”... của cả chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, v.v..

⁹ C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1983, t. 19, tr. 47

¹⁰ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến Bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t. 39, tr. 309-310

2.2. Tính tất yếu, nội dung, đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

a) Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được lý giải từ các căn cứ sau đây:

Một là, giữa chủ nghĩa tư bản (và các chế độ xã hội bóc lột khác...) và chủ nghĩa xã hội là hai kiểu chế độ xã hội khác nhau về bản chất. Chủ nghĩa tư bản được xây dựng và phát triển dựa trên chế độ kinh tế lấy sở hữu tư nhân làm chủ yếu, trái lại chủ nghĩa xã hội là xã hội được xây dựng và phát triển dựa trên chế độ kinh tế lấy sở hữu công cộng làm chủ yếu. Do đó, ngay sau khi giai cấp công nhân giành được chính quyền từ tay giai cấp thống trị bóc lột cũ, cần thiết phải có một thời gian nhất định để giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động từng bước xóa bỏ chế độ kinh tế chủ yếu dựa trên chế độ sở hữu tư nhân sang nền kinh tế mới chủ yếu dựa trên chế độ sở hữu công cộng về các tư liệu sản xuất. Đặc biệt, đối với các quốc gia đi lên chủ nghĩa xã hội xuất phát từ một nước nông nghiệp lạc hậu thì thời gian quá độ cho phép chuyển đổi giữa các nền kinh tế có thể diễn ra lâu hơn, thậm chí tính chất còn phức tạp hơn.

Hai là, theo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin thì tiền đề kinh tế của chủ nghĩa xã hội phải được hình thành trên cơ sở của lực lượng sản xuất hiện đại, tính chất xã hội hóa cao hơn nhiều lần so với những lực lượng sản xuất tiên tiến nhất của các nền kinh tế tư bản hiện tại giai cấp công nhân và nhân dân lao động sau cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công ở giai đoạn một cần có một thời gian nhất định để tổ chức sắp xếp lại hoạt động của nền sản xuất, từng bước đưa trình độ của nền sản xuất mới lên cao. Đối với các quốc gia chưa kinh qua tư bản chủ nghĩa, chưa thực hiện quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ quá độ có thể kéo dài hơn với nhiệm vụ trọng tâm chủ yếu là quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa.

Ba là, các quan hệ kinh tế, xã hội của chủ nghĩa xã hội không tự nảy sinh một cách tự giác trong lòng chủ nghĩa tư bản, chúng chỉ có thể là kết quả của quá trình xây dựng và cải tạo một cách tự phát kiên trì và lâu dài dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Trên thực tế, tại một số quốc gia tư bản chủ nghĩa tiên tiến hiện nay đã và đang xuất hiện một số quan hệ đủ điều kiện, tiền đề cho sự hình thành các quan hệ kinh tế, xã hội xã hội chủ nghĩa, do đó muốn chuyển các mối quan hệ này thành mối quan hệ tự giác, chủ động cũng cần có thời gian cải tạo và phát triển.

Bốn là, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một công việc mới mẻ, khó khăn và phức tạp. Với tư cách là người chủ của xã hội mới, giai cấp công nhân và nhân dân lao động không thể ngay lập tức có thể đảm đương được công việc ấy, nó cần phải có thời gian nhất định.

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở các nước có trình độ phát triển kinh tế - xã hội khác nhau có thể diễn ra khoảng thời gian dài, ngắn khác nhau. Đối với những nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển ở trình độ cao khi tiến lên chủ nghĩa xã hội thì thời kỳ quá độ có thể tương đối ngắn. Những nước đã trải qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản ở trình độ trung bình, đặc biệt là những nước còn ở trình độ phát triển tiền tư bản, có nền kinh tế lạc hậu thì thời kỳ quá độ thường kéo dài với rất nhiều khó khăn, phức tạp.

b) Những nội dung cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Trong lĩnh vực kinh tế. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cần thực hiện việc sắp xếp, bố trí lại các lực lượng sản xuất hiện có của xã hội; cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới theo hướng tạo ra sự phát triển cân đối của nền kinh tế, bảo đảm phục vụ ngày càng tốt đời sống nhân dân lao động. Việc sắp xếp, bố trí lại các lực lượng sản xuất của xã hội nhất định không thể theo ý muốn nóng vội chủ quan mà phải tuân theo tính tất yếu khách quan của các quy luật kinh tế, đặc biệt là quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Đối với những nước chưa trải qua quá trình công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa, tất yếu phải tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nhằm tạo ra được cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đối với những nước này, nhiệm vụ trọng tâm của thời kỳ quá độ phải là tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa diễn ra ở các nước khác nhau với những điều kiện lịch sử khác nhau có thể được tiến hành với những nội dung cụ thể và hình thức, bước đi khác nhau. Đó cũng là quán triệt quan điểm lịch sử - cụ thể trong việc xác định những nội dung, hình thức và bước đi trong tiến trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong lĩnh vực chính trị. Nội dung cơ bản trong lĩnh vực chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là tiến hành cuộc đấu tranh chống lại những thế lực thù địch, chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; tiến hành xây dựng, củng cố nhà nước và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng vững mạnh, bảo đảm

quyền làm chủ trong hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của nhân dân lao động: xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội thực sự là nơi thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động; xây dựng Đảng Cộng sản ngày càng trong sạch, vững mạnh ngang tầm với các nhiệm vụ của mỗi thời kỳ lịch sử.

Trong lĩnh vực tư tưởng - văn hoá. Nội dung cơ bản trong lĩnh vực tư tưởng - văn hóa của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là: thực hiện tuyên truyền phổ biến những tư tưởng khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân trong toàn xã hội; khắc phục những tư tưởng và tâm lý có ảnh hưởng tiêu cực đối với tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa, tiếp thu giá trị tinh hoa của các nền văn hóa trên thế giới.

Trong lĩnh vực xã hội. Nội dung cơ bản trong lĩnh vực xã hội của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là phải thực hiện việc khắc phục những tệ nạn xã hội do xã hội cũ để lại; từng bước khắc phục sự chênh lệch phát triển giữa các vùng miền, các tầng lớp dân cư trong xã hội nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng xã hội; xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người theo mục tiêu lý tưởng tự do của người này là điều kiện, tiền đề cho sự tự do của người khác.

c) Những đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Đặc điểm nổi bật của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là sự tồn tại đan xen, thâm nhập lẫn nhau giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội trong mối quan hệ vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

Về kinh tế: Thời kỳ quá độ là thời kỳ tất yếu còn tồn tại một nền kinh tế nhiều thành phần trong một hệ thống kinh tế quốc dân thống nhất. Đây là bước quá độ trung gian tất yếu trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, không thể dùng ý chí để xóa bỏ ngay kết cấu nhiều thành phần của nền kinh tế, nhất là đối với những nước còn ở trình độ chưa trải qua sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được xác lập trên cơ sở khách quan của sự tồn tại nhiều loại hình sở hữu về tư liệu sản xuất với những hình thức tổ chức kinh tế đa dạng, đan xen hỗn hợp và tương ứng với nó là những hình thức phân phối khác nhau, trong đó hình thức phân phối theo lao động tất yếu ngày càng giữ vai trò là hình thức phân phối chủ đạo.

Về chính trị: Do kết cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đa dạng, phức tạp, nên kết cấu giai cấp của xã hội trong thời kỳ này cũng đa dạng phức tạp. Nói chung, thời kỳ này thường bao gồm: giai cấp công nhân, nông dân,

tầng lớp trí thức, những người sản xuất nhỏ, tầng lớp tư sản và một số tầng lớp xã hội khác tùy theo từng điều kiện cụ thể của mỗi nước. Các giai cấp, tầng lớp này vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau. Theo V.I.Lênin, thời kỳ quá độ là thời kỳ lâu dài, có rất nhiều khó khăn, phức tạp, phải trải qua nhiều lần thử nghiệm để rút ra những kinh nghiệm, những hướng đi đúng đắn; tuy nhiên, trong quá trình thử nghiệm ấy, về mặt chính trị “có thể phải trả giá cho những sai lầm nghiêm trọng”.

Về tư tưởng - văn hoá: Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại nhiều yếu tố tư tưởng và văn hoá khác nhau. Bên cạnh tư tưởng xã hội chủ nghĩa còn tồn tại tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, tâm lý tiểu nông, v.v.. Trên lĩnh vực văn hoá cũng tồn tại các yếu tố văn hoá cũ và mới, chúng thường xuyên đấu tranh với nhau. Đó là thời kỳ, xét về mọi phương diện, đều có sự phát triển của tính tự phát tiểu tư sản, nhất là trong lĩnh vực văn hóa tư tưởng, là thời kỳ chứa đựng mâu thuẫn không thể dung hòa giữa tính kỷ luật nghiêm ngặt của giai cấp vô sản và tính vô chính phủ, vô kỷ luật của các tầng lớp tiểu tư sản.

Thực chất của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ diễn ra cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp tư sản đã bị đánh bại không còn là giai cấp thống trị và những thế lực chống phá chủ nghĩa xã hội với giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động. Cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra trong điều kiện mới là giai cấp công nhân đã nắm được chính quyền nhà nước, quản lý tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Cuộc đấu tranh giai cấp với những nội dung, hình thức mới, diễn ra trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, tư tưởng - văn hóa, bằng tuyên truyền vận động là chủ yếu, bằng hành chính và luật pháp.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a) Sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Từ nửa cuối thế kỷ XIX, Việt Nam trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Vấn đề đặt ra cho dân tộc ta là bằng con đường nào để giành lại độc lập cho dân tộc và nhiều nhà yêu nước đã tìm tòi các con đường khác nhau. Lịch sử Việt Nam đã chứng minh rằng các phong trào yêu nước theo hệ tư tưởng phong kiến và khuynh hướng tư sản trong quá trình tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc đều không thành công. Từ chủ nghĩa yêu nước, Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin tìm ra con đường cứu nước giải phóng dân tộc, Người khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách

mạng vô sản”¹¹, “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”¹².

Hồ Chí Minh đã nhận thức và phản ánh đúng sự lựa chọn của dân tộc ta. Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam đã đánh dấu sự chuyển biến của cách mạng Việt Nam sang một phạm trù cách mạng kiểu mới, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng khẳng định: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”¹³.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam với đường lối xuyên suốt là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã đem đến cho dân tộc ta sức mạnh tổng hợp, là nhân tố để cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi vĩ đại, đó là: “Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội”¹⁴.

b) Thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam với đường lối xuyên suốt là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nước ta tạm thời chia hai miền: miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; miền Nam tiếp tục làm cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Những thành tựu của miền Bắc đã thật sự xứng đáng là hậu phương lớn của miền Nam và có vai trò quyết định trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt nam: giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở “*những nước tiểu nông*”, Đảng ta và nhân ta đã có những thành quả bước đầu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ

¹¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2000, t 9, tr.314)

¹² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2000, t 10, tr.128

¹³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 3, tr.1

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb.CTQG, Hà Nội, 2011, tr.63-64.

quốc tế. Nhưng trong hơn 10 năm (1975 -1985), chúng ta cũng đã phạm một số sai lầm, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, là khuynh hướng buông lỏng trong quản lý kinh tế, xã hội; trong lĩnh vực tư tưởng, đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận và sự yếu kém về vận dụng các quy luật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Những sai lầm chủ quan cộng với hậu quả nặng nề do chiến tranh để lại và tác động tiêu cực của bối cảnh quốc tế đã làm cho nước ta rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội vào cuối những năm 70, đầu những năm 80 thế kỷ XX.

Đại hội lần thứ VI của Đảng (1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Đảng ta đã xác định: “ Thời kỳ quá độ ở nước ta, do tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đương nhiên phải lâu dài và rất khó khăn. Đó là một thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để nhằm xây dựng từ đầu một chế độ xã hội mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng”¹⁵. Vì vậy, thời kỳ quá độ ở nước ta nhất thiết phải trải qua nhiều bước, nhiều chặng đường phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen, trung gian, quá độ.

Sau mười năm đổi mới (1996), nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội, cơ bản hoàn thành nhiệm vụ của chặng đường đầu thời kỳ quá độ, đất nước chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Chúng ta đã có những điều kiện để hiểu biết đầy đủ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, có thể thấy rõ những bước cụ thể hóa về phát triển “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa”, đó là “... bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”¹⁶.

Trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta còn nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế. Với cơ cấu kinh tế đó tất yếu tồn tại nhiều giai cấp và tầng lớp xã hội, trong đó có những giai cấp có lợi ích cơ bản đối lập nhau. Do đó “Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh”. Với các mối quan hệ đó, Đảng ta đã chỉ rõ: “Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp

¹⁵Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.1986, tập 47, tr. 706

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, Hà Nội. 2001, tr. 84

công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc¹⁷.

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để; đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; đấu tranh quyết liệt chống âm mưu diễn biến hòa bình của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động nhằm tạo ra sự thay đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

3.2. Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a) Những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng

Trong quá trình đổi mới, nhận thức của Đảng ta về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa được phát triển và cụ thể dần thông qua các kỳ đại hội. Đặc biệt, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991), Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua “*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*”. Trong Cương lĩnh này, vấn đề “xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng là xã hội như thế nào” lần đầu tiên được xác định qua 6 đặc trưng cơ bản. Kể từ sau Đại hội VII của Đảng, thực tiễn quá trình đổi mới đã giúp Đảng Cộng sản Việt Nam “Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản”¹⁸. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*. Cương lĩnh đã bổ sung và phát triển xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng là một xã hội:

- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- Do nhân dân làm chủ.

¹⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, Hà Nội. 2001, tr. 86

¹⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2006, tr.68.

- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp.

- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

- Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Tám đặc trưng cơ bản vừa phản ánh quan niệm tổng quát về chủ nghĩa xã hội vừa làm rõ nội dung các lĩnh vực của đời sống xã hội phải thực hiện. Tám đặc trưng đó trải qua xây dựng sẽ từng bước hình thành, từ định hướng tới định hình, bảo đảm yêu cầu phát triển hài hòa, bền vững chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

b) Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
Ba là, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Tám phương hướng bao quát những điểm căn bản, chủ yếu trong đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện sự nhất quán của Đảng với các quan điểm đổi mới và phát triển; phản ánh nội dung toàn diện các lĩnh vực xây dựng và phát triển đất nước theo mục tiêu phát triển bền vững, không chỉ là kinh tế - xã hội - môi trường mà còn phải chú trọng phát triển văn hóa, con người và bảo đảm sự ổn định, củng cố vững chắc chế độ chính trị với Nhà nước pháp quyền, nền dân chủ, vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

Trong đó, Đảng ta đặt ở hàng đầu vấn đề đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường, đây là vấn đề cấp thiết nhất hiện nay, giải quyết nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và đó là đòi hỏi tất yếu, do nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Không đẩy mạnh công nghiệp hóa không thể thực hiện bước chuyển đưa nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp, không thể có nền kinh tế phát triển cao với năng suất lao động cao dựa trên khoa học - công nghệ, không thể có lực lượng sản xuất hiện đại.

Nhân tố quan trọng hàng đầu, có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam là ở sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng. Đây là bài học lớn đã được tổng kết và được kiểm nghiệm trong thực tiễn. Do đó, phải ra sức xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và bản lĩnh cầm quyền của Đảng để Đảng ngang tầm nhiệm vụ, xứng đáng là Đảng cách mạng chân chính, trong sạch vững mạnh, “là đạo đức, là văn minh”, xứng đáng với sự tin cậy, ủy thác của nhân dân.

Thực hiện tám phương hướng cơ bản tạo cơ sở để đạt được tám đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đây là quan hệ giữa định hướng xã hội chủ nghĩa với định hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, được thực hiện trong một quá trình lâu dài, phản ánh đúng đặc điểm, yêu cầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta.

Trong quá trình thực hiện tám phương hướng cơ bản đó, cần nhận thức đúng và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Tám mối quan hệ đó liên hệ mật

thiết với mục đích của đổi mới là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Các mối quan hệ đó tồn tại khách quan trong thực tiễn đổi mới, hội nhập quốc tế để phát triển và hiện đại hóa đất nước. Giải quyết tốt các mối quan hệ đó là điều kiện, là phương thức bảo đảm thực hiện mục tiêu đổi mới. Nhận thức và giải quyết các mối quan hệ đó là cả một quá trình và trên nguyên tắc, phải xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn đất nước, chú trọng nghiên cứu dự báo xu hướng phát triển của đất nước và thế giới, những diễn biến của khu vực, quốc tế tác động tới nước ta trên cả hai mặt thuận lợi và khó khăn, tích cực và tiêu cực để đón kịp, tận dụng thời cơ, chủ động vượt qua thách thức và nguy cơ, tôn trọng quy luật khách quan, “không phiến diện, cực đoan, duy ý chí”

Tám đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa, tám phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội và tám mối quan hệ lớn trong phát triển, tạo thành hệ thống quan điểm lý luận chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, phản ánh quy luật và tính quy luật của đổi mới, phát triển và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong điều kiện bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, trong bối cảnh thời đại và thế giới đương đại.

Hơn 30 năm đổi mới, Đảng ta đã hình thành được một hệ thống quan điểm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, làm cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước để đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, góp phần bổ sung và phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

C. CÂU HỎI THẢO LUẬN VÀ ÔN TẬP

a) Câu hỏi thảo luận

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội trên thực tế? Những điều kiện con đường đi lên chủ nghĩa xã hội?

2. Phân tích tính tất yếu và đặc điểm về “quá độ bỏ qua” chủ nghĩa tư bản tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

b) Câu hỏi ôn tập

1. Phân tích các đặc trưng cơ bản về chủ nghĩa xã hội, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về mô hình chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang hướng tới xây dựng?

2. Phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ?

3. Phân tích về tính tất yếu, đặc điểm và nội dung thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

4. Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vào Việt Nam như thế nào?

D. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện các Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam*: VI, VII, VIII, XIX, X, XI và XII.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1991.

3. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995. Các tập: 1,3,7, 9, 10.

4. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2004.

5. V.I. Lênin, *Toàn tập*. Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977. Các tập: 25, 26, 31, 33, 35, 36, 39, 43,

6. C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Các tập: 3, 4, 19, 20, 42